

MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ THI CUỐI HỌC KÌ II LỚP 3	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	22
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	24
ĐỀ SỐ 3 (SGK CÁNH DIỀU)	7	26
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	28
ĐỀ SỐ 5 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	11	30
ĐỀ SỐ 6 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	13	32
ĐỀ SỐ 7 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	15	34
ĐỀ SỐ 8 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	17	36
ĐỀ SỐ 9 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	19	38

A. HỆ THỐNG ĐỀ THI



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

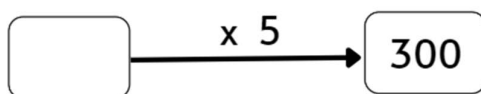
I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số liền trước của số 21 780 là:

- A. 21 779. B. 21 781. C. 21 800. D. 21 790.

Câu 2. Số thích hợp để điền vào chỗ trống là:



- A. 60. B. 50. C. 65. D. 70.

Câu 3. Ngày 27 tháng 3 là thứ Hai thì ngày 1 tháng 4 của năm đó là thứ mấy trong tuần?

- A. Thứ Sáu. B. Thứ Bảy. C. Thứ Năm. D. Chủ nhật.

Câu 4. Minh thực hiện bài khảo sát về chương trình TV yêu thích của các bạn cùng lớp, ghi chép và thu được bảng số liệu như sau:

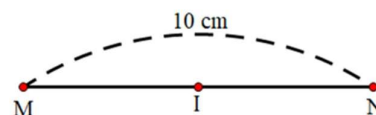
Chương trình TV	Phim hoạt hình	Dự báo thời tiết	Thời sự	Game show
Số lượng	14	3	5	10

Theo em, chương trình TV nào được các bạn học sinh yêu thích nhất?

- A. Thời sự. B. Dự báo thời tiết. C. Phim hoạt hình. D. Game show.

Câu 5. Cho đoạn thẳng $MN = 10$ cm với I là trung điểm của MN . Khi đó, độ dài đoạn MI là:

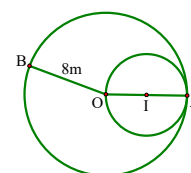
- A. 20 cm. B. 4 cm.
C. 16 cm. D. 5 cm.



Câu 6. Cho hình tròn tâm O và hình tròn tâm I như hình vẽ bên.

Biết $OB = 8$ m. Tìm độ dài bán kính của hình tròn tâm I .

- A. 4m. B. 8m.
C. 12m. D. 6m.



Câu 7. Một hình vuông có chu vi là 20 cm. Vậy diện tích hình vuông đó là:

- A. 60 cm². B. 25 cm. C. 60 cm. D. 25 cm².

Câu 8. Mua 8 bút chì hết 40 000 đồng. Hỏi mua 3 bút chì như thế hết bao nhiêu tiền?

- A. 5 000 đồng. B. 10 000 đồng. C. 15 000 đồng. D. 20 000 đồng.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính.

a) $56\,740 + 3896$

b) $19\,681 - 5476$

c) $13\,598 \times 4$

d) $28\,960 : 5$

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $78\,575 - 10\,212 \times 3$.

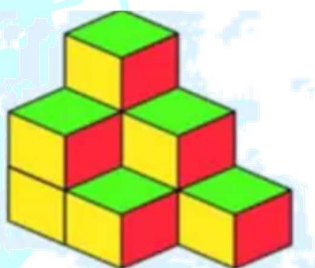
b) $(18\,063 - 6758) \times 4$.

c) $12\,231 \times (44 - 39)$.

d) $(1048 + 13) \times 4 - 36\,279 : 9$.

Bài 3. Thu hoạch ở thửa ruộng thứ nhất được 2453kg thóc, thửa ruộng thứ hai thu hoạch được số thóc gấp 3 lần so với thửa ruộng thứ nhất. Tính số ki-lô-gam thóc thu hoạch được ở cả hai thửa ruộng.

Bài 4. Hình bên dưới được ghép bởi các khối lập phương nhỏ (như hình vẽ). Hỏi có tất cả bao nhiêu khối lập phương nhỏ?



Trả lời:

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Cho phép tính: $5642 = 5000 + 600 + \dots + 2$

Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 4. B. 40. C. 400. D. 4000.

Câu 2. Tính giá trị biểu thức: $5075 : 5 + 3124 \times 3$.

- A. 10 387. B. 12 417. C. 1024. D. 1379.

Câu 3. Ngày 15 tháng 7 là thứ Bảy thì ngày 20 tháng 7 của năm đó là thứ mấy trong tuần?

- A. Thứ Tư. B. Thứ Năm. C. Thứ Sáu. D. Chủ nhật.

Câu 4. Một hình chữ nhật có chiều dài 30 cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

- A. 1dm. B. 1dm². C. 3dm. D. 3dm².

Câu 5. Linh ghi chép lại số lượng cây hoa trong vườn như sau:

Cây hoa trong vườn	Số cây hoa
Hoa hồng	
Hoa cúc	
Hoa đồng tiền	
Hoa cẩm tú cầu	
: 1 cây	

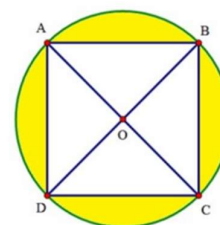
Số cây hoa đồng tiền có trong vườn là:

- A. 8 cây. B. 10 cây. C. 12 cây. D. 7 cây.

Câu 6. Cho hình vuông ABCD nằm trong hình tròn tâm O như hình vẽ.

Biết $AC = 10\text{cm}$. Tính độ dài bán kính của hình tròn tâm O.

- A. 3cm. B. 5cm.
C. 8cm. D. 10cm.



Câu 7. Các số cần điền vào các chỗ trống lần lượt từ trái qua phải là:



- A. 153; 610. B. 153; 621. C. 612; 153. D. 153; 612.

Câu 8. Một đội công nhân phải sửa chữa 3024m đường cống, đội đã sửa được $\frac{1}{3}$ số mét đường cống đó. Hỏi đội còn phải sửa chữa bao nhiêu mét đường cống nữa?

- A. 1008m. B. 2016m. C. 3024m. D. 9072m.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $14\ 715 + 25\ 194$

b) $85\ 764 - 11\ 968$

c) 3489×5

d) $15\ 612 : 3$

Bài 2. Cho các số 47 569; 49 756; 45 965; 45 956; 46 597. Hãy sắp xếp các số đó:

- a) Theo thứ tự từ bé đến lớn.
b) Theo thứ tự từ lớn đến bé.

Bài 3. Một trường có 660 học sinh nữ và 960 học sinh nam. Nhà trường cử $\frac{1}{9}$ số học sinh của trường đi thi học sinh giỏi của huyện. Hỏi:

- a) Trường có bao nhiêu học sinh đi thi học sinh giỏi huyện?
b) Có bao nhiêu học sinh không được cử đi thi học sinh giỏi huyện?

Bài 4. An có bốn tấm thẻ ghi các chữ số **4; 1; 8; 9**. Hỏi số lớn nhất có bốn chữ số mà An có thể tạo ra từ bốn tấm thẻ đó là bao nhiêu?



Trả lời:

ĐỀ SỐ 3

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Điền số thích hợp vào chỗ trống

$$\boxed{} \xrightarrow{: 3} \boxed{900}$$

- A. 27 000. B. 270. C. 2700. D. 27.

Câu 2. Các số 52 816; 51 682; 52 618; 51 826 được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 51 682; 51 826; 52 618; 52 816. B. 51 682; 52 618; 51 826; 52 816.
C. 52 816; 52 618; 51 826; 51 682. D. 51 682; 51 826; 52 816; 52 618.

Câu 3. Làm tròn số 5490 đến hàng nghìn ta được số:

- A. 6000. B. 5500. C. 5000. D. 5400.

Câu 4. Số thích hợp để điền vào dấu hỏi chấm là:



- A. 81 300. B. 8130. C. 83 000. D. 81 250.

Câu 5. Lan có 8000 đồng, Vân có số tiền gấp 4 lần số tiền của Lan. Vậy số tiền Vân có là:

- A. 24 000 đồng. B. 32 000 đồng. C. 20 000 đồng. D. 4000 đồng.

Câu 6. Tuấn có 1 xúc xắc gồm 6 mặt. Tuấn gieo xúc xắc 1 lần, quan sát mặt xuất hiện chấm.

Trong số sự kiện dưới đây, sự kiện chắc chắn xảy ra là:

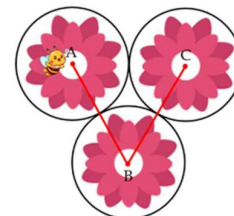
- A. Số chấm trên mặt xuất hiện là số nhỏ hơn 7.
B. Số chấm trên mặt xuất hiện là số lớn hơn 7.
C. Số chấm trên mặt xuất hiện là 1 chấm.
D. Số chấm trên mặt xuất hiện là 6 chấm.



Câu 7. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

“Trong hình vẽ bên có ba hình tròn, mỗi hình tròn có đường kính 6cm.

Với A, B, C là tâm của ba đường tròn. Chú ong bay đi lấy mật từ điểm A đến điểm C theo đường gấp khúc ABC. Vậy chú ong đã baycm”.



- A. 18cm. B. 12cm. C. 10cm. D. 20cm.

Câu 8. Cho một hình chữ nhật có chu vi bằng 50cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó, biết chiều dài bằng 16cm.

- A. 25cm^2 . B. 16cm^2 . C. 100cm^2 . D. 144cm^2 .

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính.

a) $23\,968 + 9487$

b) $52\,336 - 5943$

c) $11\,709 \times 7$

d) $18\,876 : 4$

Bài 2. Cho bảng thống kê chiều cao của học sinh lớp 3A:

Chiều cao (cm)	Số học sinh
Từ 130 đến 135	3
Từ 136 đến 140	12
Từ 141 đến 145	16
Từ 146 đến 150	9
Trên 150	2

Đọc bảng thống kê và trả lời các câu hỏi sau:

a) Lớp 3A có tất cả bao nhiêu học sinh?

b) Có bao nhiêu học sinh có chiều cao từ 141cm đến 145cm?

Bài 3. Một trang trại có 35 091 con vịt và số con gà bằng $\frac{1}{3}$ số con vịt. Hỏi trang trại đó có tất cả bao nhiêu con gà và vịt?

Bài 4. Một người viết liên tiếp nhóm chữ cái **QUYET TAM HOC GIOI QUYET TAM HOC GIOI...** Khi viết được một số nhóm chữ cái đó, người ta đếm được trong dãy có 20 chữ T. Hỏi có bao nhiêu chữ I, bao nhiêu chữ A?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Giá trị của chữ số 3 trong số 32 947 là:

- A. 30 000. B. 3000. C. 300. D. 3.

Câu 2. Giá trị của biểu thức $(2100 + 2900) : 5$ là:

- A. 800. B. 1200. C. 1000. D. 2000.

Câu 3. Một hình vuông có độ dài cạnh là 4dm. Hỏi chu vi hình vuông đó là bao nhiêu xăng-ti-mét?

- A. 160cm. B. 8dm. C. 16dm. D. 24cm.

Câu 4. Dưới đây là bảng số liệu về thời gian mà bốn bạn Linh, Mai, Yến và Nhi khi tham gia chạy 100 m.

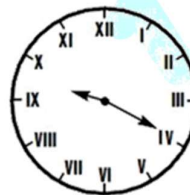
Bạn	Linh	Mai	Yến	Nhi
Thời gian (giây)	15	17	14	19

Dựa vào bảng trên, em hãy cho biết bạn nào chạy nhanh nhất?

- A. Linh. B. Mai. C. Yến. D. Nhi.

Câu 5. Đồng hồ đang chỉ mấy giờ?

- A. 8 giờ 50 phút. B. 4 giờ kém 45 phút.
C. 9 giờ 20 phút. D. 9 giờ 50 phút.



Câu 6. Trong hộp quà có 3 quả bóng đỏ, 1 quả bóng xanh và 1 quả bóng vàng. Tú nhắm mắt và lấy 2 quả bóng bất kì từ trong hộp. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Tú chắc chắn lấy được 1 quả bóng đỏ và 1 quả bóng xanh.
B. Tú có thể lấy được 1 quả bóng xanh và 1 quả bóng vàng.
C. Tú không thể lấy được 2 quả bóng đỏ.
D. Tú chắc chắn lấy được 2 quả bóng đỏ.

Câu 7. Mẹ đi mua 2 gói kẹo và 1 gói bánh, biết 1 gói kẹo có giá 7500 đồng và 1 gói bánh có giá 25 000 đồng. Hỏi mẹ mua hết bao nhiêu tiền?

- A. 30 000 đồng. B. 35 000 đồng. C. 32 500 đồng. D. 40 000 đồng.

Câu 8. Một hình chữ nhật có chiều dài 4dm 8cm, chiều dài gấp 6 lần chiều rộng. Diện tích hình chữ nhật là bao nhiêu?

- A. 384cm². B. 384dm². C. 108cm². D. 108dm².

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $33\ 019 + 15\ 846$

b) $74\ 982 - 5748$

c) 3476×7

d) $58\ 965 : 5$

Bài 2. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

a) $45\ 230 \dots 100\ 000.$

b) $54\ 019 \dots 54\ 109.$

c) $40\ 000 \dots 38\ 000 + 2\ 000.$

d) $35\ 340 \dots 34\ 899.$

Bài 3. Một cửa hàng dầu có 39 380l dầu, cửa hàng đã bán $\frac{1}{4}$ số dầu đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu lít dầu?**Bài 4.** Tìm số bé nhất có tổng các chữ số bằng 25 và các chữ số khác nhau.**Trả lời:**

ON THI
123

ĐỀ SỐ 5

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số 28 672 đọc là:

- A. Hai tám nghìn sáu bảy hai.
- B. Hai mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi hai.
- C. Hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi hai.
- D. Hai tám sáu trăm bảy hai.

Câu 2. Số thích hợp để điền vào dấu hỏi chấm là:



- A. 12 000.
- B. 11 500.
- C. 1200.
- D. 21 000.

Câu 3. Nam tung một đồng xu với 2 mặt sấp và ngửa một lần. Khẳng định nào sau đây là đúng?



- A. Mặt đồng xu sau khi tung chắc chắn là mặt sấp.
- B. Mặt đồng xu sau khi tung có thể là mặt ngửa.
- C. Mặt đồng xu sau khi tung chắc chắn là mặt ngửa.
- D. Mặt đồng xu sau khi tung không thể là mặt sấp.

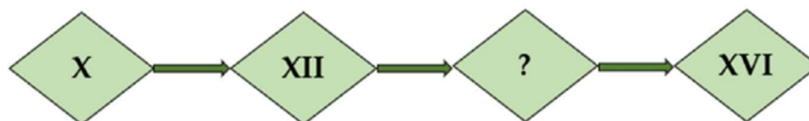
Câu 4. Mua 3 kg gạo hết 54 000 đồng. Vậy mua 5 kg gạo hết số tiền là:

- A. 80 000 đồng.
- B. 60 000 đồng.
- C. 90 000 đồng.
- D. 70 000 đồng.

Câu 5. Giá trị của biểu thức $15\ 976 + 5014 : 2$ là:

- A. 18 483.
- B. 13 002.
- C. 10 495.
- D. 16 483.

Câu 6. Điền số La Mã thích hợp để hoàn thành dãy số sau:



- A. XI.
- B. XIII.
- C. XIV.
- D. XIX.

Câu 7. Trong một nông trại người ta thu hoạch được 12 348 quả bưởi, sau đó người ta bán đi một số bưởi bằng $\frac{1}{3}$ số bưởi ban đầu. Hỏi người ta còn lại bao nhiêu quả bưởi?

- A. 4116 quả bưởi. B. 8232 quả bưởi. C. 6114 quả bưởi. D. 3288 quả bưởi.

Câu 8. Một hình chữ nhật có chiều dài 40 cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{5}$ chiều dài. Tính diện tích của hình chữ nhật đó.

- A. 96 cm². B. 320 cm². C. 230 cm². D. 69 cm².

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)


Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $73\,197 + 8596$

b) $10\,000 - 2943$

c) 4274×4

d) $17\,717 : 7$

Bài 2. Cho biểu đồ tranh dưới đây thống kê số quả táo mà bốn bạn Tuấn, Lan, Nhi, Minh hái được ( = 10 quả).

Tuấn	
Lan	
Nhi	
Minh	

- a) Bạn nào hái được nhiều táo nhất?
 b) Số táo của bạn Lan bằng một phần mấy số táo của bạn Minh?
 c) Cả bốn bạn hái được tất cả bao nhiêu quả táo?

Bài 3. Trang trại nhà Hoa có 5 chuồng gà, mỗi chuồng có 189 con gà. Hôm nay nhà Hoa bán đi $\frac{1}{9}$ số gà. Hỏi nhà Hoa đã bán đi bao nhiêu con gà?

Bài 4. Tìm hiệu của 2 số, biết rằng sau khi bớt ở số bị trừ 95 đơn vị và thêm vào số trừ 56 đơn vị thì được hai số có hiệu là 782.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 6

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số liền trước của số nhỏ nhất có 5 chữ số là:

- A. 10 000. B. 9999. C. 9998. D. 9000.

Câu 2. Khẳng định nào dưới đây là sai?

- A. 1 năm có 12 tháng. B. Tháng 3 có 31 ngày.
C. 5m = 50dm. D. 5 phút = 240 giây.

Câu 3. Số lớn nhất trong các số 55 098; 55 099; 55 909; 55 999; 55 899 là:

- A. 55 899. B. 55 099. C. 55 909. D. 55 999.

Câu 4. Số 19 viết theo số La Mã là:

- A. XVIII. B. XIV. C. XIX. D. XVIII.

Câu 5. Bạn Huy mua một món đồ chơi. Huy đã trả người bán hàng một tờ loại 20 000 đồng và một tờ loại 10 000 đồng. Hỏi bạn Huy đã mua món đồ chơi bao nhiêu tiền?

- A. 30 000 đồng. B. 50 000 đồng.
C. 20 000 đồng. D. 40 000 đồng.



Câu 6. Nam đã nướng 4 chiếc bánh quy có bề mặt giống hệt nhau nhưng phần nhân khác nhau:

2 chiếc bánh mút dâu, 1 chiếc bánh mút cam và 1 chiếc bánh mút nho. Nam chọn một chiếc bánh trong đó để ăn. Chọn khẳng định đúng.

- A. Chắc chắn Nam sẽ chọn được bánh mút dâu.
B. Nam không thể chọn được bánh mút nho.
C. Có thể Nam chọn được bánh mút táo.
D. Có thể Nam chọn được bánh mút cam.

Câu 7. Hình chữ nhật có chiều dài 45 m, chiều rộng hình chữ nhật bằng cạnh hình vuông có chu vi 100 m. Tính chu vi hình chữ nhật đó.

- A. 140 m. B. 70 m. C. 90 m. D. 120 m.

Câu 8. Cửa hàng có 10 007kg gạo, buổi sáng cửa hàng bán được 1025kg gạo. Số gạo còn lại được chia đều vào 9 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?







- A. 998kg. B. 899kg. C. 898kg. D. 990kg.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Tính giá trị của biểu thức

- a) $54\,968 + 7916$ b) $99\,637 - 52\,328 : 8$ c) $3042 \times 4 - 10\,065$

Bài 2. Quan sát biểu đồ tranh “Số cá câu được của bốn người” và trả lời câu hỏi:

Bác Nam	
Chú Sơn	
Bác Tuấn	
Chú Hải	
	 : 6 con  : 3 con

- a) Cả bốn người câu được tất cả bao nhiêu con cá?
 b) Ai câu được 9 con cá?
 c) Chú Hải câu được số cá nhiều hơn bác Tuấn bao nhiêu con?

Bài 3. Gia đình bác An đã mua hai xe ô tô gạch, mỗi xe chở 13 500 viên gạch. Sau hai ngày, những người thợ xây đã xây hết 3297 viên gạch. Hỏi còn bao nhiêu viên gạch chưa xây?

Bài 4. Hiệu của 2 số bằng 100. Nếu số lớn thêm 235 đơn vị và số bé bớt đi 200 đơn vị thì hiệu mới là bao nhiêu?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 7

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Chữ số 8 trong số 48 135 có giá trị là:

- A. 8000. B. 8 135. C. 800. D. 8.

Câu 2. Hình vuông ABCD có cạnh dài 6 cm. Chu vi hình vuông là:

- A. 24 cm. B. 20 cm. C. 36 cm. D. 18 cm.

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ trống

Số ghi trên mỗi ô tô là số ki-lô-mét ô tô đó đã đi được. Hỏi số nào lớn nhất?



Số lớn nhất là:

Câu 4. Trong hình vẽ sau có bao nhiêu góc vuông?



- A. 1 góc vuông. B. 3 góc vuông. C. 4 góc vuông. D. 5 góc vuông.

Câu 5. Kết quả của phép tính $22\ 115 \times 4$ bằng:

- A. 88 460. B. 88 440. C. 88 640. D. 88 406.

Câu 6. Trong cùng một năm, ngày 27 tháng 4 là thứ Năm thì ngày 1 tháng 5 là:

- A. Thứ Hai. B. Thứ Ba. C. Thứ Tư. D. Thứ Năm.

Câu 7. Một hình chữ nhật có chu vi bằng chu vi hình vuông cạnh 9 cm. Biết chiều dài hình chữ nhật bằng 10 cm. Diện tích hình chữ nhật là bao nhiêu?

- A. 18 cm^2 . B. 36 cm^2 . C. 80 cm^2 . D. 50 cm^2 .

Câu 8. Một cửa hàng có 85 000 kg gạo, lần đầu bán được

23 000 kg gạo, lần sau bán được 29 000 kg gạo. Hỏi cửa

hàng còn bao nhiêu ki-lô-gam gạo?



- A. 26 000 kg. B. 33 000 kg. C. 31 000 kg. D. 52 000 kg.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Điền số thích hợp vào chỗ trống

a) $21\ 650\text{ g} - 1228\text{ g} = \dots\text{ g}$.

b) $10\ 820\text{ ml} + 4150\text{ ml} = \dots\text{ml}$.

c) $1650\text{ ml} \times 3 = \dots\text{ml}$.

d) $12\ 620\text{ g} : 4 = \dots\text{ g}$.

Bài 2. Số học sinh vắng trong ngày thứ Tư của các lớp khối 3 của một trường Tiểu học là:

Lớp	3A1	3A2	3A3	3A4	3A5	3A6	3A7	3A8
Số học sinh	2	4	5	1	3	2	2	2

a) Hãy cho biết ngày thứ Tư khối lớp 3 vắng tất cả bao nhiêu em?

b) Có bao nhiêu lớp vắng 2 học sinh vào ngày thứ Tư. Đó là những lớp nào?

c) Biết sĩ số của các lớp như nhau. Hãy cho biết, ngày thứ Tư đó, lớp nào ít học sinh đi học nhất.

Bài 3. Một cửa hàng có 65 015 quyển vở. Người chủ cửa hàng đã bán vở cho 4 trường tiểu học, mỗi trường 15 000 quyển vở. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu quyển vở?**Bài 4.** Tìm số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau có tổng các chữ số bằng 20.**Trả lời:**

ĐỀ SỐ 8

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm: $74\ 526 \dots\dots 74\ 520 + 6$

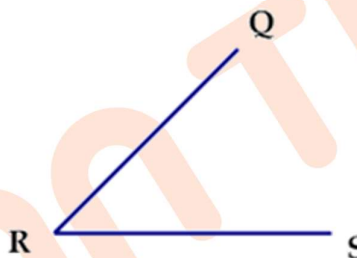
- A. $>$. B. $<$. C. $=$. D. Không so sánh được

Câu 2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để $1\text{kg } 5\text{ g} = \dots\dots \text{g}$ là:

- A. 1050. B. 1500. C. 1005. D. 10050.

Câu 3. Góc trong hình vẽ bên là:

- A. Góc không vuông đỉnh Q; cạnh QR, RS.
 B. Góc không vuông đỉnh R; cạnh RQ, RS.
 C. Góc vuông đỉnh R; cạnh RQ, RS.
 D. Góc không vuông đỉnh S; cạnh SR, RQ.



Câu 4. Hương sử dụng một đoạn dây vừa đủ để trang trí viền của bức tranh hình chữ nhật có chiều dài 14 dm và chiều rộng 90 cm. Tính độ dài của đoạn dây mà Hương đã dùng.

- A. 208 cm. B. 280 cm. C. 640 cm. D. 460 cm.

Câu 5. Ngày thứ nhất nhà máy sản xuất được 20 248 đôi giày, số giày ngày thứ hai sản xuất được giảm 4 lần so với ngày thứ nhất. Hỏi ngày thứ hai sản xuất được ít hơn ngày thứ nhất bao nhiêu đôi giày?

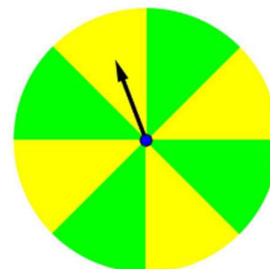
- A. 5062 đôi giày. B. 15 186 đôi giày. C. 11 580 đôi giày. D. 6052 đôi giày.

Câu 6. Trong lớp của Mai có một vòng xoay như hình vẽ sau:

Mai quay vòng xoay đó một lần và quan sát màu sắc của miền mà mũi tên chỉ vào.

Khẳng định nào sau đây là đúng?

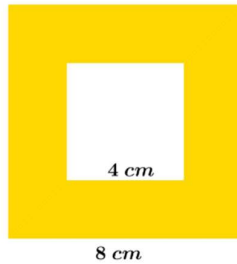
- A. Mũi tên chắc chắn chỉ vào miền màu xanh.
 B. Mũi tên không thể chỉ vào miền màu vàng.
 C. Mũi tên có thể chỉ vào miền màu xanh hoặc màu vàng.
 D. Mũi tên có thể chỉ vào miền màu đỏ.



Câu 7. Một khay táo có giá 49 000 đồng. Cửa hàng đang có chương trình khuyến mãi giảm giá 5 000 đồng mỗi khay táo cho khách hàng mua từ 2 khay táo trở lên. Hỏi khi mua 2 khay táo theo chương trình khuyến mãi này, bác Hoài phải trả bao nhiêu tiền?

- A. 88 000 đồng. B. 98 000 đồng. C. 89 000 đồng. D. 93 000 đồng.

Câu 8. Một miếng gỗ hình vuông có cạnh 8 cm. Bác Chiến đục bỏ một hình vuông ở giữa có cạnh 4 cm. Phần gỗ còn lại có diện tích là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?



- A. 48 cm². B. 64 cm². C. 16 cm². D. 84 cm².

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

- a) 54 275 + 22 107. b) 75 362 – 24 935.
c) 4805 x 4. d) 20 645 : 5.

Bài 2. Cho bảng số liệu về số vật nuôi của 4 trang trại như sau:

Trang trại Vật nuôi	A	B	C	D
Lợn (con)	90	210	40	85
Bò (con)	55	60	110	100

Dựa vào bảng số liệu trên, viết vào chỗ chấm cho thích hợp.

- a) Trang trại nuôi nhiều lợn nhất. b) Trang trại nuôi nhiều bò nhất.
c) Trang trại D nuôi tất cả con lợn và bò. d) Bốn trang trại này có tất cả con bò.

Bài 3. Một trại chăn nuôi có 80 000 con gà. Lần thứ nhất bán đi $\frac{1}{5}$ số gà. Lần thứ hai bán đi số gà gấp 3 lần so với lần thứ nhất. Hỏi sau hai lần bán trang trại còn lại bao nhiêu con gà?

Bài 4. Hùng đố Dũng: “Bạn hãy tìm hai số có hiệu bằng 26 và nếu lấy số lớn chia cho số bé thì được thương bằng 3, số dư là 8”. Dũng lúng túng chưa trả lời được. Em hãy trả lời giúp Dũng.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 9

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Giá trị của chữ số 7 trong số 97 140 là:

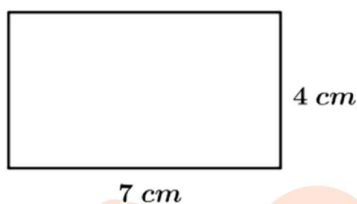
A. 70.

B. 700.

C. 7000.

D. 70 000.

Câu 2. Tính diện tích hình chữ nhật sau:

A. 4 cm².B. 28 cm².C. 7 cm².D. 11 cm².

Câu 3. Số đo dung tích nào dưới đây là lớn nhất?

A. 950ml.

B. 500ml.

C. 1l.

D. 999ml.

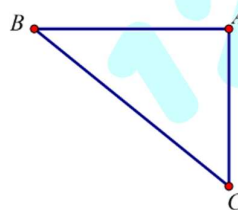
Câu 4. Trong hình bên, góc nào là góc vuông?

A. Góc đỉnh B; cạnh BA, BC.

B. Góc đỉnh C; cạnh CA, CB.

C. Góc đỉnh A; cạnh AB, AC.

D. Cả A và B đều đúng.



Câu 5. Gia đình Hoa đi du lịch từ ngày 30 tháng 8 đến hết ngày 3 tháng 9. Hỏi chuyến đi đó kéo dài bao nhiêu ngày?

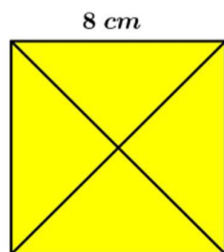
A. 3 ngày.

B. 4 ngày.

C. 6 ngày.

D. 5 ngày.

Câu 6. Một tấm bìa cứng hình vuông có cạnh 8 cm. Bạn An cắt ra thành 4 hình tam giác nhỏ bằng nhau. Tính diện tích một hình tam giác nhỏ.

A. 16 cm².B. 64 cm².C. 32 cm².D. 8 cm².

Câu 7. Minh có 20 000 đồng. Minh mua hai gói kẹo, giá mỗi gói kẹo là 7 500 đồng. Hỏi Minh còn lại bao nhiêu tiền?

- A. 5 000 đồng. B. 5 500 đồng. C. 12 500 đồng. D. 12 000 đồng.

Câu 8. Một cửa hàng có 3032 kg gạo, cửa hàng đã bán $\frac{1}{4}$ số gạo đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- A. 758 kg. B. 2274 kg. C. 1516 kg. D. 3032 kg.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $35\ 864 + 32\ 678$.

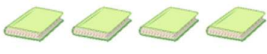



b) $87\ 980 - 46\ 879$.

c) $10\ 857 \times 6$.

d) $79\ 194 : 3$.

Bài 2. Quan sát biểu đồ tranh sau:

Số sách bán được trong bốn ngày

Ngày thứ nhất	
Ngày thứ hai	
Ngày thứ ba	
Ngày thứ tư	

Mỗi kí hiệu  biểu thị cho 5 cuốn sách.

Trả lời các câu hỏi sau:

a) Bao nhiêu cuốn sách đã bán được trong ngày thứ tư?

b) Ngày nào bán được 40 cuốn sách?

c) Ngày thứ ba bán được nhiều hơn ngày thứ nhất bao nhiêu cuốn sách?

Bài 3. Hiện tại trong kho còn 19 000l dầu. Người ta đã chuyển thêm dầu vào kho 3 lần, mỗi lần 1 500l dầu. Hỏi sau khi chuyển, trong kho có tất cả bao nhiêu lít dầu?

Bài 4. Bằng cách xuất phát từ chữ cái M, đi lần lượt theo từng chữ cái (không ngắt quãng), hỏi có bao nhiêu cách để tạo thành chữ MATH?

```

M
A A
T T T
H H H H
T T T
A A
M

```

Trả lời:

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	A	B	C	D	A	D	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Đặt tính rồi tính.

a) $56\ 740 + 3896$

b) $19\ 681 - 5476$

c) $13\ 598 \times 4$

d) $28\ 960 : 5$

Lời giải

a) $56\ 740 + 3896 = 60\ 636.$

b) $19\ 681 - 5476 = 14\ 205.$

c) $13\ 598 \times 4 = 54\ 392.$

d) $28\ 960 : 5 = 5792.$

(HS tự đặt tính rồi tính).

Bài 2. (2 điểm) Tính giá trị của biểu thức:

a) $78\ 575 - 10\ 212 \times 3.$

b) $(18\ 063 - 6758) \times 4.$

c) $12\ 231 \times (44 - 39).$

d) $(1048 + 13) \times 4 - 36\ 279 : 9.$

Lời giải

a) $78\ 575 - 10\ 212 \times 3 = 78\ 575 - 30\ 636 = 47\ 939.$

b) $(18\ 063 - 6758) \times 4 = 11\ 305 \times 4 = 45\ 220.$

c) $12\ 231 \times (44 - 39) = 12\ 231 \times 5 = 61\ 155.$

d) $(1048 + 13) \times 4 - 36\ 279 : 9 = 1061 \times 4 - 4031 = 4244 - 4031 = 213.$

Bài 3. (1,5 điểm) Thu hoạch ở thửa ruộng thứ nhất được 2453kg thóc, thửa ruộng thứ hai thu hoạch được số thóc gấp 3 lần so với thửa ruộng thứ nhất. Tính số ki-lô-gam thóc thu hoạch được ở cả hai thửa ruộng.

Lời giải

Thửa ruộng thứ hai thu hoạch được số ki-lô-gam thóc là:

$$2453 \times 3 = 7359 \text{ (kg).}$$

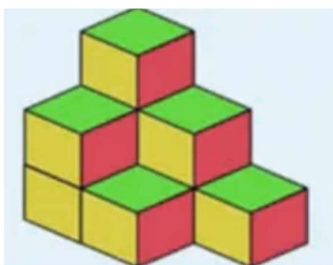
Cả hai thửa ruộng thu hoạch được số ki-lô-gam thóc là:

$$2453 + 7359 = 9812 \text{ (kg).}$$

Đáp số: 9812 kg thóc.

Bài 4. (0,5 điểm) Hình bên dưới được ghép bởi các khối lập phương nhỏ (như hình vẽ). Hỏi có tất cả bao nhiêu khối lập phương nhỏ?

Trả lời:

**Lời giải**

Trả lời: Có 9 khối lập phương nhỏ.

(Tầng trên cùng có 1 khối.

Tầng thứ hai có 3 khối.

Tầng dưới cùng có 5 khối.

Có tất cả số khối là: $5 + 3 + 1 = 9$ (khối)).

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	B	D	C	B	D	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $14\ 715 + 25\ 194$

b) $85\ 764 - 11\ 968$

c) 3489×5

d) $15\ 612 : 3$

Lời giải

a) $14\ 715 + 25\ 194 = 39\ 909.$

b) $85\ 764 - 11\ 968 = 73\ 796.$

c) $3489 \times 5 = 17\ 445.$

d) $15\ 612 : 3 = 5204.$

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Cho các số 47 569; 49 756; 45 965; 45 956; 46 597. Hãy sắp xếp các số đó:

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn.

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé.

Lời giải

a) Các số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là: 45 956; 45 965; 46 597; 47 569; 49 756.

b) Các số được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là: 49 756; 47 569; 46 597; 45 965; 45 956.

Bài 3. (2 điểm) Một trường có 660 học sinh nữ và 960 học sinh nam. Nhà trường cử $\frac{1}{9}$ số học sinh của

trường đi thi học sinh giỏi của huyện. Hỏi:

a) Trường có bao nhiêu học sinh đi thi học sinh giỏi huyện?

b) Có bao nhiêu học sinh không được cử đi thi học sinh giỏi huyện?

Lời giải

Nhà trường có tổng số học sinh là:

$$660 + 960 = 1620 \text{ (học sinh).}$$

a) Nhà trường có số học sinh đi thi học sinh giỏi huyện là:

$$1620 : 9 = 180 \text{ (học sinh).}$$

b) Có số học sinh không được cử đi thi học sinh giỏi huyện là:

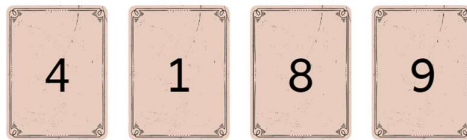
$$1620 - 180 = 1440 \text{ (học sinh).}$$

Đáp số: a) 180 học sinh.

b) 1440 học sinh.

Bài 4. (0,5 điểm) An có bốn tấm thẻ ghi các chữ số **4; 1; 8; 9**. Hỏi số lớn nhất có bốn chữ số mà An có thể tạo ra từ bốn tấm thẻ đó là bao nhiêu?

Trả lời:

**Lời giải**

Trả lời: 9841.

(Từ các chữ số **4; 1; 8; 9** thì số lớn nhất có bốn chữ số mà An có thể tạo ra sẽ có:

- + Chữ số hàng nghìn là chữ số lớn nhất: 9
- + Chữ số hàng trăm là chữ số lớn tiếp theo: 8
- + Chữ số hàng chục là chữ số lớn tiếp theo: 4
- + Chữ số hàng đơn vị nhỏ nhất là: 1

Vậy số lớn nhất có bốn chữ số mà An có thể tạo ra từ bốn tấm thẻ trên là: **9841**).

ĐỀ SỐ 3

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	C	A	B	A	B	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính.

a) $23\ 968 + 9487$

b) $52\ 336 - 5943$

c) $11\ 709 \times 7$

d) $18\ 876 : 4$

Lời giải

a) $23\ 968 + 9487 = 33\ 455.$

b) $52\ 336 - 5943 = 46\ 393.$

c) $11\ 709 \times 7 = 81\ 963.$

d) $18\ 876 : 4 = 4719.$

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Cho bảng thống kê chiều cao của học sinh lớp 3A:

Chiều cao (cm)	Số học sinh
Từ 130 đến 135	3
Từ 136 đến 140	12
Từ 141 đến 145	16
Từ 146 đến 150	9
Trên 150	2

Đọc bảng thống kê và trả lời các câu hỏi sau:

a) Lớp 3A có tất cả bao nhiêu học sinh?

b) Có bao nhiêu học sinh có chiều cao từ 141cm đến 145cm?

Lời giải

a) Lớp 3A có tất cả số học sinh là: $3 + 12 + 16 + 9 + 2 = 42$ (học sinh).

b) Có **16** học sinh có chiều cao từ 141cm đến 145cm.

Bài 3. (2 điểm) Một trang trại có 35 091 con vịt và số con gà bằng $\frac{1}{3}$ số con vịt. Hỏi trang trại đó có tất cả bao nhiêu con gà và vịt?

Lời giải

Trang trại có số con gà là: $35\ 091 : 3 = 11\ 697$ (con).

Trang trại đó có tất cả số con gà và vịt là: $35\ 091 + 11\ 697 = 46\ 788$ (con).

Đáp số: 46 788 con gà và vịt.

Bài 4. (0,5 điểm) Một người viết liên tiếp nhóm chữ cái **QUYET TAM HOC GIOI QUYET TAM HOC GIOI...** Khi viết được một số nhóm chữ cái đó, người ta đếm được trong dãy có 20 chữ T. Hỏi có bao nhiêu chữ I, bao nhiêu chữ A?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Có 20 chữ I và 10 chữ A

(Ta thấy trong mỗi nhóm chữ cái “**QUYET TAM HOC GIOI**” có 2 chữ T, 2 chữ I, 1 chữ A.

Do đó số chữ T bằng số chữ I và gấp đôi số chữ A.

Trong dãy có 20 chữ T nên:

- Có số chữ I là: 20 chữ.
- Có số chữ A là: $20 : 2 = 10$ (chữ).

Vậy khi đếm được trong dãy có 20 chữ T thì có **20** chữ I và **10** chữ A).

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	A	C	C	B	D	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $33\ 019 + 15\ 846$

b) $74\ 982 - 5748$

c) 3476×7

d) $58\ 965 : 5$

Lời giải

a) $33\ 019 + 15\ 846 = 48\ 865.$

b) $74\ 982 - 5748 = 69\ 234.$

c) $3476 \times 7 = 24\ 332.$

d) $58\ 965 : 5 = 11\ 793.$

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

a) $45\ 230 \dots 100\ 000.$

b) $54\ 019 \dots 54\ 109.$

c) $40\ 000 \dots 38\ 000 + 2\ 000.$

d) $35\ 340 \dots 34\ 899$

Lời giải

a) $45\ 230 < 100\ 000.$

b) $54\ 019 < 54\ 109.$

c) $40\ 000 = 38\ 000 + 2\ 000.$

d) $35\ 340 > 34\ 899.$

Bài 3. (2 điểm) Một cửa hàng dầu có 39 380l dầu, cửa hàng đã bán $\frac{1}{4}$ số dầu đó. Hỏi cửa hàng

còn lại bao nhiêu lít dầu?

Lời giải

Cửa hàng đã bán số lít dầu là: $39\ 380 : 4 = 9845$ (lít)

Cửa hàng còn lại số lít dầu là: $39\ 380 - 9845 = 29\ 535$ (lít)

Đáp số: 29 535 lít dầu.

Bài 4. (0,5 điểm) Tìm số bé nhất có tổng các chữ số bằng 25 và các chữ số khác nhau.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: 1789.

(Để có số bé nhất ta cần viết số có ít chữ số nhất có thể, như vậy mỗi chữ số lớn nhất có thể.

Ta có: $25 = 9 + 8 + 7 + 1 \rightarrow$ Viết lại được số nhỏ nhất là 1789).



ĐỀ SỐ 5

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	B	C	A	C	B	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $73\ 197 + 8596$

b) $10\ 000 - 2943$

c) 4274×4

d) $17\ 717 : 7$

Lời giải

a) $73\ 197 + 8596 = 81\ 793.$

b) $10\ 000 - 2943 = 7057.$

c) $4274 \times 4 = 17\ 096.$

d) $17\ 717 : 7 = 2531.$

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Cho biểu đồ tranh dưới đây thống kê số quả táo mà bốn bạn Tuấn, Lan, Nhi, Minh hái được ( = 10 quả).

Tuấn	
Lan	
Nhi	
Minh	

a) Bạn nào hái được nhiều táo nhất?

b) Số táo của bạn Lan bằng một phần mấy số táo của bạn Minh?

c) Cả bốn bạn hái được tất cả bao nhiêu quả táo?

Lời giải

Quan sát biểu đồ tranh ta thấy:

Bạn Tuấn hái được 40 quả táo.

Bạn Lan hái được 10 quả táo.

Bạn Nhi hái được 20 quả táo.

Bạn Minh hái được 30 quả táo.

a) Bạn Tuấn hái được nhiều táo nhất.

b) Số táo của bạn Lan bằng $\frac{1}{3}$ số táo của bạn Minh.

c) Cả bốn bạn hái được tất cả số quả táo là: $40 + 10 + 20 + 30 = 100$ (quả táo).

Bài 3. (2 điểm) Trang trại nhà Hoa có 5 chuồng gà, mỗi chuồng có 189 con gà. Hôm nay nhà Hoa

bán đi $\frac{1}{9}$ số gà. Hỏi nhà Hoa đã bán đi bao nhiêu con gà?

Lời giải

Trang trại nhà Hoa có số con gà là: $189 \times 5 = 945$ (con).

Nhà Hoa đã bán đi số con gà là: $945 : 9 = 105$ (con).

Đáp số: 105 con gà.

Bài 4. (0,5 điểm) Tìm hiệu của 2 số, biết rằng sau khi bớt ở số bị trừ 95 đơn vị và thêm vào số trừ 56 đơn vị thì được hai số có hiệu là 782.

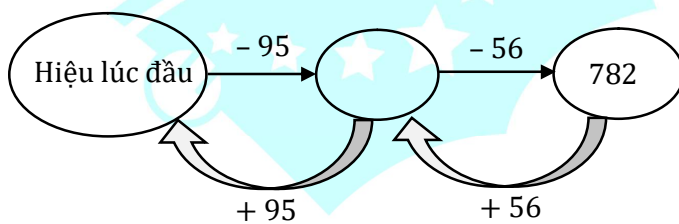
Trả lời:

Lời giải

Trả lời: 933.

(Bớt số bị trừ 95 đơn vị thì hiệu giảm đi 95 đơn vị.

Thêm vào số trừ 56 đơn vị thì hiệu giảm đi 56 đơn vị.



Vậy hiệu ban đầu là: $782 + 56 + 95 = 933$).

ĐỀ SỐ 6

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	D	C	A	D	A	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Tính giá trị của biểu thức

a) $54\,968 + 7916$

b) $99\,637 - 52\,328 : 8$

c) $3042 \times 4 - 10\,065$







Lời giải

a) $54\,968 + 7916 = 62\,884.$

b) $99\,637 - 52\,328 : 8 = 99\,637 - 6541 = 93\,096.$

c) $3042 \times 4 - 10\,065 = 12\,168 - 10\,065 = 2103.$

Bài 2. (1,5 điểm) Quan sát biểu đồ tranh “Số cá câu được của bốn người” và trả lời câu hỏi:

Bác Nam	
Chú Sơn	
Bác Tuấn	
Chú Hải	
	 : 6 con  : 3 con

a) Cả bốn người câu được tất cả bao nhiêu con cá?

b) Ai câu được 9 con cá?

c) Chú Hải câu được số cá nhiều hơn bác Tuấn bao nhiêu con?

Lời giải

Quan sát biểu đồ tranh ta thấy:

Bác Nam câu được 12 con cá.

Chú Sơn câu được 9 con cá.

Bác Tuấn câu được 6 con cá.

Chú Hải câu được 18 con cá.

a) Cả bốn người câu được tất cả số con cá là: $12 + 9 + 6 + 18 = 45$ (con cá).

b) Chú Sơn là người câu được 9 con cá.

c) Chú Hải câu được số cá nhiều hơn bác Tuấn số con là: $18 - 6 = 12$ (con).

Bài 3. (2 điểm) Gia đình bác An đã mua hai xe ô tô gạch, mỗi xe chở 13 500 viên gạch. Sau hai ngày, những người thợ xây đã xây hết 3297 viên gạch. Hỏi còn bao nhiêu viên gạch chưa xây?

Lời giải

Gia đình bác An đã mua được số viên gạch là: $13\,500 \times 2 = 27\,000$ (viên gạch).

Gia đình bác An còn số viên gạch chưa xây là: $27\,000 - 3297 = 23\,703$ (viên gạch).

Đáp số: 23 703 viên gạch.

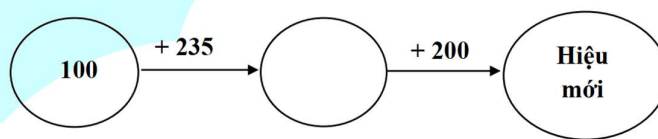
Bài 4. (1 điểm) Hiệu của 2 số bằng 100. Nếu số lớn thêm 235 đơn vị và số bé bớt đi 200 đơn vị thì hiệu mới là bao nhiêu?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: **535.**

(Số lớn thêm 235 đơn vị thì hiệu tăng thêm 235 đơn vị. Số bé bớt đi 200 đơn vị thì hiệu tăng thêm 200 đơn vị.



Hiệu mới là: $100 + 235 + 200 = 535$).

ĐỀ SỐ 7

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	A	50 000	D	A	A	C	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ trống

- $21\ 650\text{ g} - 1228\text{ g} = \dots\text{ g}.$
- $10\ 820\text{ ml} + 4150\text{ ml} = \dots\text{ml}.$
- $1650\text{ ml} \times 3 = \dots\text{ml}.$
- $12\ 620\text{ g} : 4 = \dots\text{ g}.$

Lời giải

- $21\ 650\text{ g} - 1228\text{ g} = 20\ 422\text{ g}.$
- $10\ 820\text{ ml} + 4150\text{ ml} = 14\ 970\text{ ml}.$
- $1650\text{ ml} \times 3 = 4950\text{ ml}.$
- $12\ 620\text{ g} : 4 = 3155\text{ g}.$

Bài 2. (1,5 điểm) Số học sinh vắng trong ngày thứ Tư của các lớp khối 3 của một trường Tiểu học là:

Lớp	3A1	3A2	3A3	3A4	3A5	3A6	3A7	3A8
Số học sinh	2	4	5	1	3	2	2	2

- Hãy cho biết ngày thứ Tư khối lớp 3 vắng tất cả bao nhiêu em?
- Có bao nhiêu lớp vắng 2 học sinh vào ngày thứ Tư. Đó là những lớp nào?
- Biết sĩ số của các lớp như nhau. Hãy cho biết, ngày thứ Tư đó, lớp nào ít học sinh đi học nhất.

Lời giải

a) Ngày thứ Tư khối lớp 3 vắng tất cả số học sinh là:

$$2 + 4 + 5 + 1 + 3 + 2 + 2 + 2 = 21\text{ (học sinh).}$$

b) Có 4 lớp vắng 2 học sinh vào ngày thứ Tư. Đó là những lớp: 3A1; 3A6; 3A7; 3A8.

c) Ta thấy số học sinh vắng của lớp 3A3 là nhiều nhất (5 học sinh). Do đó số học sinh đi học ít nhất là lớp 3A3.

Bài 3. (2 điểm) Một cửa hàng có 65 015 quyển vở. Người chủ cửa hàng đã bán vở cho 4 trường tiểu học, mỗi trường 15 000 quyển vở. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu quyển vở?

Lời giải

Số quyển vở người chủ cửa hàng đã bán cho 4 trường tiểu học là:

$$15\,000 \times 4 = 60\,000 \text{ (quyển).}$$

Cửa hàng còn lại số quyển vở là:

$$65\,015 - 60\,000 = 5\,015 \text{ (quyển).}$$

Đáp số: 5015 quyển vở.

Bài 4. (0,5 điểm) Tìm số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau có tổng các chữ số bằng 20.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: **9830**

(Do số cần tìm là số lớn nhất có 4 chữ số khác nhau có tổng các chữ số bằng 20 nên chữ số hàng nghìn là 9; chữ số hàng trăm là 8.

Tổng của chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị là: $20 - (9 + 8) = 3$.

Do đó chữ số hàng chục là 3, chữ số hàng đơn vị là 0.

Vậy số lớn nhất có 4 chữ số khác nhau lập được là: 9830).

ĐỀ SỐ 8

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	B	D	B	C	A	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $54\,275 + 22\,107$.

b) $75\,362 - 24\,935$.

c) 4805×4 .

d) $20\,645 : 5$.

Lời giải

a) $54\,275 + 22\,107 = 76\,382$.

b) $75\,362 - 24\,935 = 50\,427$.

c) $4805 \times 4 = 19\,220$.

d) $20\,645 : 5 = 4129$.

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Cho bảng số liệu về số vật nuôi của 4 trang trại như sau:

Trang trại \ Vật nuôi	A	B	C	D
Lợn (con)	90	210	40	85
Bò (con)	55	60	110	100

Dựa vào bảng số liệu trên, viết vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Trang trại nuôi nhiều lợn nhất.

b) Trang trại nuôi nhiều bò nhất.

c) Trang trại D nuôi tất cả con lợn và bò.

d) Bốn trang trại này có tất cả con bò.

Lời giải

a) Trang trại B nuôi nhiều lợn nhất.

b) Trang trại C nuôi nhiều bò nhất.

c) Trang trại D nuôi tất cả 185 con lợn và bò (vì $100 + 85 = 185$).

d) Bốn trang trại này có tất cả 325 con bò (vì $55 + 60 + 110 + 100 = 325$).

Bài 3. (2 điểm) Một trại chăn nuôi có 80 000 con gà. Lần thứ nhất bán đi $\frac{1}{5}$ số gà. Lần thứ hai bán đi số gà gấp 3 lần so với lần thứ nhất. Hỏi sau hai lần bán trang trại còn lại bao nhiêu con gà?

Lời giải

Lần thứ nhất trang trại bán đi số con gà là: $80\ 000 : 5 = 16\ 000$ (con gà).

Lần thứ hai trang trại bán đi số con gà là: $16\ 000 \times 3 = 48\ 000$ (con gà).

Sau hai lần bán, trang trại còn lại số con gà là: $80\ 000 - 16\ 000 - 48\ 000 = 16\ 000$ (con gà).

Đáp số: 16 000 con gà.

Bài 4. (0,5 điểm) Hùng đố Dũng: “Bạn hãy tìm hai số có hiệu bằng 26 và nếu lấy số lớn chia cho số bé thì được thương bằng 3, số dư là 8”. Dũng lúng túng chưa trả lời được. Em hãy trả lời giúp Dũng.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Số bé là: **9**. Số lớn là: **35**.

(Ta có sơ đồ như sau:



Hai lần số bé là: $26 - 8 = 18$.

Số bé là: $18 : 2 = 9$.

Số lớn là: $9 \times 3 + 8 = 35$.

Vậy: Số bé là: **9**. Số lớn là: **35**).

ĐỀ SỐ 9

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	C	C	D	A	A	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Đặt tính rồi tính:

a) $35\ 864 + 32\ 678$.

b) $87\ 980 - 46\ 879$.

c) $10\ 857 \times 6$.

d) $79\ 194 : 3$.

Lời giải

a) $35\ 864 + 32\ 678 = 68\ 542$.

b) $87\ 980 - 46\ 879 = 41\ 101$.

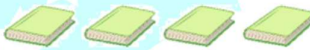
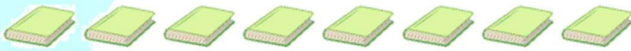
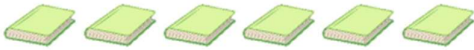
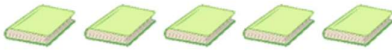
c) $10\ 857 \times 6 = 65\ 142$.


d) $79\ 194 : 3 = 26\ 398$.

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Quan sát biểu đồ tranh sau:

Số sách bán được trong bốn ngày

Ngày thứ nhất	
Ngày thứ hai	
Ngày thứ ba	
Ngày thứ tư	

Mỗi kí hiệu  biểu thị cho 5 cuốn sách.

Trả lời các câu hỏi sau:

a) Bao nhiêu cuốn sách đã bán được trong ngày thứ tư?

- b) Ngày nào bán được 40 cuốn sách?
 c) Ngày thứ ba bán được nhiều hơn ngày thứ nhất bao nhiêu cuốn sách?

Lời giải

- a) Số cuốn sách đã bán được trong ngày thứ tư là: $5 \times 5 = 25$ (cuốn sách).
 b) Ngày thứ hai bán được 40 cuốn sách (vì $5 \times 8 = 40$).
 c) Ngày thứ ba bán được số cuốn sách là: $5 \times 6 = 30$ (cuốn sách).
 Ngày thứ nhất bán được số cuốn sách là: $5 \times 4 = 20$ (cuốn sách).

Ngày thứ ba bán được nhiều hơn ngày thứ nhất số cuốn sách là: $30 - 20 = 10$ (cuốn sách).

Bài 3. (2 điểm) Hiện tại trong kho còn 19 000/ dầu. Người ta đã chuyển thêm dầu vào kho 3 lần, mỗi lần 1 500/ dầu. Hỏi sau khi chuyển, trong kho có tất cả bao nhiêu lít dầu?

Lời giải

Người ta đã chuyển thêm số lít dầu vào kho là: $1500 \times 3 = 4500$ (lít dầu).
 Sau khi chuyển, trong kho có tất cả số lít dầu là: $19\ 000 + 4500 = 23\ 500$ (lít dầu).

Đáp số: 23 500 lít dầu.

Bài 4. (0,5 điểm) Bằng cách xuất phát từ chữ cái M, đi lần lượt theo từng chữ cái (không ngắt quãng), hỏi có bao nhiêu cách để tạo thành chữ MATH?



```

M
A A
T T T
H H H H
T T T
A A
M
  
```

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: **16 cách.**

(Xuất phát từ điểm M, có 2 cách chọn.

Tiếp theo mỗi chữ M, đi tới chữ A, có 2 cách chọn.

Tiếp theo mỗi chữ A, đi tới chữ T, có 2 cách chọn.

Tiếp theo mỗi chữ T, đi tới chữ H, có 2 cách chọn.

Có tất cả số cách đi để tạo thành chữ MATH là: $2 \times 2 \times 2 \times 2 = 16$ (cách).)